TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 12/2022/KDTM-GĐT
Ngày 27 tháng 5 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có*:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang, Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Nguyễn Văn Sơn, Thẩm phán cao cấp;

Ông Vũ Minh Tuấn, Thẩm phán cao cấp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần D (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D); trụ sở: Tòa nhà C, số 109 đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Ngọc V (Giấy ủy quyền số 278/2016/UQ-TGĐ ngày 27/12/2016).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1984 và chị Phí Hồng T, sinh năm 1983; HKTT: Khối B, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phí Kim M (chết ngày 30/3/2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phí Kim M là bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954; anh Phí Kim L, sinh năm 1988, chị Phí Thị Thanh H1, sinh năm 1979 và chị Phí Thị Hồng T, sinh năm 1983.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954;

3. Anh Phí Kim L, sinh năm 1988;

Đều trú tại: P4-D2 tập thể V, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP D do người đại diện hợp pháp trình bày: Ngân hàng TMCP D (viết tắt là Ngân hàng D) và anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T ký Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB-SGD/2011 ngày 27/6/2011, nội dung thể hiện: Ngân hàng D cho anh H, chị T vay 2.000.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động cho hộ kinh doanh cá thể trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất 23,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần vào ngày mùng 10 hàng tháng bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cuối kỳ cộng biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở trên diện tích 40,30m^2 thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39 tại P4-D2 tập thể V, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072814 do UBND quận Đ cấp ngày 25/3/2004 mang tên ông Phí Kim M và bà Nguyễn Thị T1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 011547/2011 tại Văn phòng công chứng G ngày 23/6/2011.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng D đã giải ngân cho anh H, chị T số tiền 2.000.000.000 đồng. Do anh H, chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Hải, chị Trang thanh toán 2.000.000.000 đồng nợ gốc, 2.890.620.224 đồng nợ lãi (trong đó lãi trong hạn là 325.503.043 đồng, lãi quá hạn là 2.565.117.181 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký; trường hợp anh Hải, chị Trang không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Bị đơn là anh Đỗ Thanh H và chị Phí Hồng T trình bày: Anh, chị thống nhất thừa nhất việc ký Hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng D 2.000.000.000 đồng, tài sản bảo đảm là nhà đất của ông M, bà T1 đúng như Ngân hàng D trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh H đã thanh toán được 05 tháng tiền lãi, từ tháng 4/2012 do làm ăn khó khăn, không có khả năng thanh toán nên đề nghị Ngân hàng D miễn cho vợ chồng anh, chị toàn bộ tiền lãi và thanh toán nợ gốc dần đến hết tháng 10/2015, chậm nhất là 31/10/2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phí Kim M, bà Nguyễn Thị T1 thống nhất trình bày: Ông bà ký hợp đồng thế chấp để dùng tài sản là nhà đất tại P4-D2 tập thể V của mình bảo đảm cho khoản vay của chị T và anh M (con

gái và con rể của ông, bà). Nay do kinh tế suy thoái nên vợ chồng chị T không thanh toán được nợ do đó đề nghị Ngân hàng D tạo điều kiện cho gia đình. Hiện trạng tài sản không có gì thay đổi từ khi vợ chồng ông, bà ký hợp đồng thế chấp đến nay, toàn bộ tài sản thế chấp là do vợ chồng ông, bà xây dựng, không có công sức đóng góp của người nào khác.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 37/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân quận Hà Đông quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần D(nay là Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D) – tên viết tắt là GP Bank.

- Buộc anh Đỗ Văn H và chị Phí Hồng T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D (nay là Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D) – tên viết tắt là GP Bank số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB-SDG/2011 ngày 27/6/2011 tính đến hết ngày 27/11/2019 là 7.600.501.407 đồng (trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 325.503.043 đồng, lãi quá hạn là 5.274.998.364 đồng). Kể từ ngày 28/11/2018, anh Đỗ Văn H và chị Phí Hồng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khhi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Trường hợp anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T không trả được toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần D có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích đất 40,3m^2 tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39, có địa chỉ tại P4-D2 tập thể V, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072814 do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/3/2004 đứng tên ông Phí Kim M và bà Nguyễn Thị T1 để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo đề nghị xem xét không xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất của gia đình ông bà để trả nợ vì bà không vay tiền của Ngân hàng D.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 94/2020/KDTM-PT ngày 27/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: *Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 37/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019 củaTòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D. Buộc anh Đỗ Văn H và chị Phí Hồng T phải trả cho Ngân hàng D số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 2.000.000.000 đồng.

Buộc anh Đỗ Văn H và chị Phí Hồng T phải trả cho Ngân hàng D số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB-SGD/2011 ngày 27/6/2011 với số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng.

- Chưa chấp nhận yêu cầu đòi nợ lãi của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D do chưa xuất trình được các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất. Giành quyền khởi kiện về số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB-SGD/2011 ngày 27/6/2011 ký kết giữa hai bên nêu trên cho Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D đối với anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T khi xuất trình được đủ tài liệu khởi kiện.

- Trường hợp anh H, chị T không trả hoặc trả không được toàn bộ khoản nợ nêu ở mục 1.1. thì Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D) có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích đất 40.30 m^2 tại thửa đất số 53, Tờ bản đồ số 7H-III-39 có địa chỉ tại P4-D2 tập thể V, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10109072814 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/3/2004 đứng tên ông Phí Kim M và bà Nguyễn Thị T1 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm thì các thừa kế của ông Phí Kim M và các cá nhân, tổ chức sinh hoạt, sống, hoạt động trên tài sản thế chấp dưới mọi hình thức phải chuyển dọn đi để đảm bảo việc thi hành án.

- Trường hợp anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T trả được toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D) có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng D cho người thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán thì anh Đỗ Văn H và chị Phí Hồng T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D) đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T còn nợ Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D) thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho người thế chấp là bà Nguyễn Thị T1 và người kế thừa (quyền, nghĩa vụ tố tụng) của ông Phí Kim M nếu thời điểm đó Ngân hàng D chưa khởi kiện đòi khoản nợ lãi.

Ngoài ra, Bản án còn quyền định về án phí.

Ngày 26/10/2020, Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 27/6/2011, Ngân hàng TMCP D (viết tắt Ngân hàng D) và anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T ký Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB-SGD/2011 (viết tắt Hợp đồng tín dụng), nội dung thể hiện: Ngân hàng D cho anh H, chị T vay 2.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động cho hộ kinh doanh cá thể, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất kỳ đầu tiên là 23,5%/năm, điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần vào ngày mùng 10 hàng tháng bằng lãi suất tiết kiệm Việt Nam đồng 12 tháng cuối kỳ cộng biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đối với diện tích 40,3m^2 đất thuộc thửa số 53, Tờ bản đồ số 7H-III-39 và nhà 03 tầng trên đất tại P4-D2 tập thể V, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội được Uỷ ban quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10109072814 ngày 25/3/2004 mang tên ông Phí Kim M và bà Nguyễn Thị T1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 011547/2011 tại Văn phòng công chứng G (viết tắt Hợp đồng thế chấp). Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng D đã giải ngân cho anh H, chị T số tiền 2.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 013/0491/KUNN/GPB-SGD/2011 ngày 27/6/2011. Do anh H, chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị T phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng D theo Hợp đồng tín dụng giữa các bên và phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn H và chị Phí Hồng T thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng và vay của Ngân hàng D số tiền 2.000.000.000 đồng, anh H đã trả được một phần tiền lãi, chưa trả được nợ gốc và kể từ tháng 3/2012 do tình hình kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh, chị không thể tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh H, chị T phải trả Ngân hàng D 2.000.000.000 đồng nợ gốc là có cơ sở.

[3] Đối với khoản nợ lãi, Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng lãi suất trong Hợp đồng tín dụng giữa các bên đương sự là lãi suất được điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất tiết kiệm 12 tháng của Việt Nam đồng nên để có cơ sở xác định được nợ lãi thì Ngân hàng D phải cung cấp các văn bản điều chỉnh lãi suất qua các thời kỳ nhưng do Ngân hàng D không xuất trình được tài liệu để chứng minh cho yêu cầu tính lãi của mình nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa chấp nhận yêu cầu đòi nợ lãi của Ngân hàng D, giành quyền khởi kiện về số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng khi Ngân hàng D xuất trình được đủ tài liệu. Tuy nhiên, theo quy định tại Mục I Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng thì "Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn". Khoản nợ của anh H, chị T tại Ngân hàng D đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/11/2011. Do đó, lãi suất nợ quá hạn sẽ được xác định bằng lãi suất vay trong hạn tại thời điểm 15/11/2011. Việc Ngân hàng D không cung cấp các văn bản để tính lãi suất từ tháng 6/2012 đến khi xét xử sơ thẩm (tháng 11/2019) không làm ảnh hưởng đến việc xác định số tiền nợ lãi. Theo quy định tại Điều 293 và Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền tách yêu cầu tính nợ lãi của Ngân hàng D để giải

quyết bằng một vụ án khác. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định "Chưa chấp nhận yêu cầu đòi nợ lãi của Ngân hàng D do chưa xuất trình được các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất. Giành quyền khởi kiện về số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 03/0491/HĐTC/GPB-SGD/2011 ngày 27/6/2011 giữa Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D với anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T khi xuất trình được đủ tài liệu khởi kiện" là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Ngoài ra, việc tách yêu cầu đòi nợ lãi trong khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng và Tòa án vẫn xử lý tài sản bảo đảm đã khiến cho khoản nợ chuyển từ có bảo đảm sang thành khoản nợ không có bảo đảm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2021/KN-KDTM ngày 30/11/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 94/2020/KDTM-PT ngày 27/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần D (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D) với bị đơn là anh Đỗ Văn H, chị Phí Hồng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phí Kim M, bà Nguyễn Thị T1, anh Phí Kim L.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm hs vụ án);
- Chi cục THADS quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP, P.GĐKT II, HSVA, HSGĐT.

TM. UỶ BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thành Quang